

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 24/11/2021

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

*Các thẩm phán:*

Ông Nguyễn Xuân Trường.

Ông Vũ Thanh Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Sơn -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phạm Thị Thùy-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 28/2021/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*".

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2021/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐ-PT ngày 22/11/2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1987.

Nơi ĐKKH: Tr, Th, K, Hải Dương.

Nơi cư trú: Số 10, ngõ 73, xóm L, TT, Nh, Hà Nội.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tr, Th, K, Hải Dương.

**Người làm chứng:**

- Ông Nguyễn Hữu Gi, sinh năm 1957.

Địa chỉ: M, H, N, Bắc Ninh.

- Bà Bùi Thị S, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Tr, Th, K, Hải Dương.

**Người kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị Ngọc D là nguyên đơn trong vụ án.

(Chị D và anh Th1 có mặt; Vắng mặt những người làm chứng)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo bản án sơ thẩm số 31/2021/HNGĐ-ST ngày 06/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:*

Theo nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn Th1 sau thời gian tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/02/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thành phố Hải Phòng, đến năm 2015 chị và con chuyển lên Hà Nội sinh sống, làm việc, còn anh Th1 vẫn làm việc tại thành phố Hải Phòng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Th1 có quan hệ ngoại tình với chị Hoàng Thuý Th2, sinh năm 2003 ở thành phố Hải Phòng. Thậm chí chị Th2 còn về tận nơi chồng chị sinh sống và về tận quê anh Th1 ở xã Th nhằm mục đích khiêu khích, chọc tức chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm và xô sát nhau. Sau đó vợ chồng đã nói chuyện thẳng thắn, nhờ hai bên gia đình khuyên bảo. Bản thân chị đã nhiều lần tạo điều kiện để cho anh Th1 khắc phục mâu thuẫn, nhưng anh Th1 vẫn không chấm dứt được mối quan hệ với chị Th2 nên từ tháng 7/2020 vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm và không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th1.

- *Về con chung:* Chị và anh Th1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Trang M1, sinh ngày 04/7/2013 và cháu Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 09/8/2019. Từ khi vợ chồng ly thân chị là người trực tiếp nuôi cả 02 con chung ở Hà Nội, đến tháng 10/2020 anh Th1 đã đón cháu L1 về nuôi dưỡng tại gia đình bố mẹ đẻ anh Th1 ở Th, K, Hải Dương. Khi vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Th1 phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị có chỗ ở tại thành phố Hà Nội, làm việc tại Công ty TNHH sản xuất, thương mại và dịch vụ Thu Trang, thu nhập từ lương mỗi tháng 15.000.000đ nên đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Th1 trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc D sau thời gian tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/02/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại thành phố Hải Phòng. Năm 2015 Chị D và con chuyển lên Hà Nội sinh sống, làm việc còn anh vẫn làm việc tại thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh có quan hệ ngoại tình xuất phát từ việc vợ chồng thường xuyên xa nhau. Khi Chị D biết việc anh có quan hệ tình cảm với người khác thì vợ chồng anh đã nói chuyện thẳng thắn và anh đã chấm dứt mối quan hệ đó. Đầu năm 2021 anh đã chuyển lên Hà Nội làm việc một thời gian, nhưng do công việc không phù hợp nên anh lại quay về làm việc tại đơn vị cũ ở Hải Phòng. Về phía Chị D nhất quyết muốn anh làm việc tại Hà Nội, do anh không đồng ý nên từ tháng 7/2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm và không quan tâm đến nhau. Nay Chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh xác định mâu thuẫn vợ chồng không lớn, các con còn nhỏ, muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái trưởng thành nên anh không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Trang M1, sinh ngày 04/7/2013 và cháu Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 09/8/2019. Khi vợ chồng ly thân thì Chị D là người trực tiếp nuôi cả 02 con chung ở Hà Nội, nhưng đến tháng 10/2020 thì anh đón cháu L1 về nuôi dưỡng tại gia đình mẹ đẻ anh ở Th, K, Hải Dương. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu Chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay anh đang làm việc tại Công ty Mobifone khu vực 5 tại thành phố Hải Phòng và vẫn đang cư trú tại thôn Tr, Th, K, Hải Dương. Lương của anh trung bình mỗi tháng 12.000.000đ và được mẹ đẻ tạo điều kiện về chỗ ở cho anh và con cũng như hỗ trợ anh trong việc trông nom, chăm sóc con khi anh đi làm nên anh đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung; cụ thể như sau:

- *Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Th, K*: Xác định anh Th1 và Chị D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã vào ngày 26/02/2011. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do Chị D nghi ngờ anh Th1 ngoại tình dẫn đến cãi cọ nhau. Hiện tại thì Chị D sinh sống tại Hà Nội, anh Th1 sống ở địa phương và làm việc ở Hải Phòng, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau.

- *Bà Bùi Thị S (mẹ đẻ anh Th1) khai*: Trong cuộc sống anh Th1 và Chị D có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do Chị D nghi ngờ anh Th1 ngoại tình

dẫn đến vợ chồng cãi nhau và sống ly thân hơn 1 năm nay. Chị D sống ở Hà Nội, anh Th1 làm việc ở Hải Phòng, hàng ngày vẫn đi về. Đề nghị Toà án hoà giải để anh Th1 và Chị D đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Vợ chồng anh Th1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Trang M1, sinh ngày 04/7/2013 và cháu Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 09/8/2019. Cháu My đang ở cùng Chị D tại Hà Nội, cháu L1 đang ở cùng anh Th1 từ tháng 10/2020 cho đến nay. Nếu vợ chồng anh Th1 ly hôn thì đề nghị Toà án giao cháu L1 cho anh Th1 nuôi dưỡng, bà có trách nhiệm tạo điều kiện về chỗ ở, hỗ trợ anh Th1 về kinh tế cũng như việc trông nom, chăm sóc cháu khi anh Th1 đi làm. Từ khi anh Th1 đón cháu L1 về nuôi thì Chị D chỉ về thăm con được 1 – 2 lần. Thời gian qua khi Chị D về Toà án làm việc nhưng cũng không vào thăm con.

- Ông Nguyễn Hữu Gi (bố đẻ chị D) khai: Chị D và anh Th1 kết hôn vào năm 2011. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống với nhau tại thành phố Hải Phòng cho đến năm 2015 thì Chị D và con chuyển lên Hà Nội sinh sống, làm việc, còn anh Th1 vẫn làm việc tại thành phố Hải Phòng. Đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Th1 có quan hệ ngoại tình với gái mại dâm, lây nhiễm bệnh xã hội cho vợ. Anh Th1 thậm chí còn gửi cả những hình ảnh nhạy cảm cho em gái Chị D và công khai dẫn người con gái có quan hệ ngoại tình về nhà nên vợ chồng đã xảy ra cãi vã, xúc phạm và xô sát. Mặt khác, trong cuộc sống vợ chồng anh Th1, Chị D có sự bất đồng về quan điểm sống, về công việc. Gia đình cũng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh chị vẫn không khắc phục được. Thực tế Chị D và anh Th1 đã sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay. Về phía góc độ gia đình thì ông xác định mâu thuẫn của vợ chồng anh Th1, Chị D đã trầm trọng nên đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

- Về con chung: Anh Th1 và Chị D có 02 con chung là cháu Nguyễn Trang M1, sinh ngày 04/7/2013 và cháu Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 09/8/2019. Từ khi sống ly thân Chị D là người trực tiếp nuôi cả 02 con chung ở Hà Nội, nhưng đến tháng 10/2020 anh Th1 đã đón cháu L1 về nuôi dưỡng tại gia đình mẹ đẻ anh Th1 ở Th, K, Hải Dương. Hiện nay Chị D đang ở cùng chị gái tại thành phố Hà Nội, làm việc tại Công ty TNHH sản xuất, thương mại và dịch vụ Thu Trang, thu nhập mỗi tháng 15.000.000đ nên đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Vợ chồng ông hiện đang hưởng lương hưu và có điều kiện về kinh tế nên nếu như Chị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung thì gia đình ông sẽ hỗ trợ mẹ con chị cả về chỗ ở, kinh tế cũng như giúp đỡ Chị D trong việc trông nom, chăm sóc con.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2021/HNGĐ-ST ngày 06/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương đã căn cứ vào Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51, Điều 56; khoản 1 Điều 71; Điều 81; Điều 82;

Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th1.

+ *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 09/8/2019; Giao cho anh Nguyễn Văn Th1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Trang M1, sinh ngày 04/7/2013. Thời điểm thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với việc nuôi dưỡng con chung tính từ tháng 9/2021 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị D và anh Th1 về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.*

+ *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm chị Nguyễn Thị Ngọc D đã kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cả 02 con chung là Nguyễn Trang M1 và Nguyễn Bảo L1 cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, đồng thời chị yêu cầu anh Th1 phải cấp dưỡng nuôi con mỗi con là 2.200.000 đ/1 tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chị D yêu cầu anh Th1 cấp dưỡng 1 lần với tổng số tiền là 675.400.000 đồng.

Tại phiên tòa Chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Anh Th1 có quan điểm: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị D, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân thủ pháp luật: Từ khi thụ lý, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy cả anh Th1 và Chị D đều có đủ điều kiện để nuôi con chung. Tuy nhiên do cả 2 cháu

còn nhỏ nên nếu giao cả 2 con cho Chị D nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con. Hiện nay cháu bảo Linh còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trang My đã 8 tuổi cho anh Th1 trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau là phù hợp với quy định của Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị D.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc D, giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2021/HNGĐ-ST ngày 06/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương. Chị D phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, nghe ý kiến trình bày của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1].Về tố tụng:** Kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc D trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

**[2].Về nội dung:**

Chị D kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cả 02 con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng vì cho rằng chị đủ điều kiện về kinh tế cũng như chỗ ở nếu được giao nuôi con. Xem xét về điều kiện nuôi con của cả 2 anh chị, Hội đồng xét xử thấy: Hiện tại cả anh Th1 và Chị D đều có công việc và thu nhập ổn định. Chị D làm việc tại Công ty TNHH sản xuất, thương mại và dịch vụ Thu Trang, thu nhập mỗi tháng 15.000.000đ. Anh Th1 làm việc tại Công ty Mobifone khu vực 5 tại thành phố Hải Phòng nhưng vẫn đang cư trú tại thôn Tr, Th, K, Hải Dương. Lương của anh Th1 trung bình mỗi tháng 12.000.000đ. Anh Th1 và Chị D đều được gia đình hỗ trợ về chỗ ở và hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Do vậy có thể nói cả 2 anh chị đều đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên xét thấy do 2 cháu còn nhỏ nên nếu giao cả 2 con cho một người nuôi dưỡng thì việc chăm sóc cho các cháu sẽ khó khăn hơn. Thực tế từ tháng 10/2020 anh Th1 đã đón cháu L1 về nuôi dưỡng. Cháu L1 vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, điều này chứng minh anh Th1 có đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con. Bên cạnh đó theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình thì việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung không chỉ là nghĩa vụ mà còn là quyền lợi của cha mẹ, nên việc giao cho anh Th1 và Chị D mỗi người nuôi một

con là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đảm bảo được quyền lợi cho các con.

Do cháu Nguyễn Bảo L1 dưới 36 tháng tuổi nên Tòa án sơ thẩm đã giao cháu L1 cho Chị D nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Trang M1 cho anh Th1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Anh Th1 và Chị D mỗi người đều nuôi dưỡng 01 con chung nên yêu cầu kháng cáo về cấp dưỡng nuôi con chung của Chị D là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị D.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật.

**[3]. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Ngọc D kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc D. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2021/HNGĐ-ST ngày 06/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương về quan hệ tranh chấp nuôi con chung như sau:

Áp dụng Điều 51, Điều 56; khoản 1 Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*1. Về con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 09/8/2019. Giao cho anh Nguyễn Văn Th1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Trang M1, sinh ngày 04/7/2013. Thời điểm thực hiện quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung tính từ tháng 9/2021 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.*

*2. Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

AB/2018/0006482 ngày 28/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hải Dương. Chi D đã thi hành xong phần án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**Nguyễn Thị Thu Hiền**  
**(đã ký)**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện K;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu Tòa.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**



**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Trường**

**Vũ Thanh Tuấn**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**